

Số: 1376/2022/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 30 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1075/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Tạm trú: Củ Chi, TPHCM

Bị đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm 1963

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Căn cứ vào các Điều 39, 147, 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trương Văn H. Giấy chứng nhận kết hôn số 76/HT, quyển số 02, do Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 19/8/1990 không còn hiệu lực.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có ba con chung tên Trương Lê Ngọc L, sinh năm 1991; Trương Lê Ngọc Nh, sinh năm 1994; Trương Lê Hưởng Ph, sinh năm 2000; Tất cả đều đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung:

3.1 Tài sản chung gồm có: Giá trị quyền sử dụng bốn điểm kinh doanh có mã số C2 – 7, C2 – 8, C2 – 9, C2 – 10; Là ô vừa trong nhà lồng chợ A tại Chợ Đầu Mối Nông Sản Thực Phẩm Thủ Đức, phường Tam Bình, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), TPHCM.

3.2 Các đương sự phân chia như sau:

+ Bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng hai điểm kinh doanh có mã số C2 – 9, C2 – 10; Là ô vừa trong nhà lồng chợ A tại Chợ Đầu Mối Nông Sản Thực Phẩm Thủ Đức, phường Tam Bình, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), TPHCM.

+ Ông Trương Văn H được quyền sử dụng hai điểm kinh doanh có mã số C2 – 7, C2 – 8; Là ô vừa trong nhà lồng chợ A tại Chợ Đầu Mối Nông Sản Thực Phẩm Thủ Đức, phường Tam Bình, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), TPHCM (đính kèm thiết kế phụ là kho trữ lạnh hàng hóa).

Ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền (như Công ty TNHH quản lý và kinh doanh chợ nông sản Thủ Đức, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, TPHCM và các cơ quan khác nếu có) để đăng ký, thay đổi tên cá nhân sử dụng điểm kinh doanh của mình như nêu trên.

4/ Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Ông Trương Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.473.818 đồng (bốn mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi ba ngàn, tám trăm mười tám đồng). Cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0048896 ngày 18/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, hoàn lại cho ông Trương Văn H số tiền 12.526.182 đồng (mười hai triệu, năm trăm hai mươi sáu ngàn, một trăm tám mươi hai đồng).

- Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1962, thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0048857 ngày 13/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Bà L tự nguyện không nhận án phí hoàn lại nên sung vào công quỹ nhà nước số tiền này.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014). 3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Lê Tứ Nhị

